

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ - ST

Ngày 25/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiên.

Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Hồng Thắm; ông Nguyễn Ngọc Kha.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Cán bộ TAND huyện Ý Yên.

Ngày 25/01/2018, tại Trụ sở TAND huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2017/TLST - HNGĐ ngày 13/11/2017 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2018/QĐXX - ST ngày 10/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2018/QĐST - HNGĐ giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Ngọc G - Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Trần Thị T – Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T2, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, anh G có mặt, chị T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, anh Trần Ngọc G trình bày: Anh và chị Trần Thị T kết hôn với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng anh chị bất đồng

quan điểm trong cuộc sống. Chị T có mâu thuẫn với bố mẹ chồng, thường xuyên to tiếng với gia đình nhà chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị T đã chủ động bỏ về nhà bố mẹ đẻ, sống ly thân từ tháng 7/2015. Anh đã tìm gọi nhiều lần nhưng chị T vẫn không quay về. Anh đã một lần gửi đơn ly hôn chị T tại Tòa án nhưng nghĩ đến cho con nên anh đã rút đơn khởi kiện. Sau đó, anh chị vẫn không thể đoàn tụ. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị T. Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Trần Ngọc T2, sinh ngày 03/4/2010 và Trần Thị N, sinh ngày 20/9/2008. Anh đề nghị sau khi ly hôn anh nuôi cháu T2, chị T nuôi cháu N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân, anh không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt các giấy tờ hợp lệ cho chị T nhưng chị T không đến Tòa án để làm việc. Ông Trần Văn T3 là bố đẻ của chị T có bản tự khai nộp tại Tòa án nhân dân huyện Ý Yên trình bày: Anh G và chị T kết hôn vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh G không chung thủy cùng với mâu thuẫn mẹ chồng - con dâu, chị T không chịu đựng được nên phải bỏ gia đình anh G mà ra đi. Tình trạng hôn nhân của anh chị đã ở mức mâu thuẫn trầm trọng, anh chị sống với nhau không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân 02 năm nay. Về con chung: anh chị có 02 con chung là Trần Ngọc T2, sinh ngày 03/4/2010 và Trần Thị N, sinh ngày 20/9/2008, hiện nay cháu N đang ở với chị T, cháu T2 đang ở với anh G, đề nghị Tòa án giữ nguyên việc nuôi con chung như hiện tại. Gia đình ông và chị T đã nhận được các giấy tờ của Tòa án gửi cho chị T nhưng vì bận việc nên chị T không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với anh G được. Ông đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn vắng mặt chị T.

Do chị T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

Tại phiên tòa anh G vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Cuộc hôn nhân giữa anh Trần Ngọc G và chị Trần Thị T được xác lập vào năm 2008 đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh G sống không chung thủy cùng với việc chị T có mâu thuẫn gia đình bố mẹ chồng dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2015 cho đến nay. Anh G đã một lần khởi kiện xin ly hôn chị T, sau đó lại rút yêu cầu khởi kiện nhưng sau đó anh chị không trở về đoàn tụ mà vẫn tiếp tục sống ly thân. Anh G xác định không còn tình cảm với chị T nên xin ly hôn. Chị T đã biết được yêu cầu xin ly hôn của anh G nhưng không đến Tòa án để làm việc, điều đó chứng tỏ chị không còn thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét quan hệ hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của anh G xử lý hôn cho anh chị là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật HNGĐ năm 2014.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Ngọc T2, sinh ngày 03/4/2010 và Trần Thị N, sinh ngày 20/9/2008. Cháu T2 đang sống với anh G, cháu N đang sống với chị T. Để đảm bảo quyền lợi của con chung cũng như nguyện vọng của các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu T2 cho anh G nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong hôn nhân không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét.

- Về án phí: Anh G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 57, 81,82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử lý hôn giữa anh Trần Ngọc G và chị Trần Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc T2 sinh ngày 03/4/2010 cho anh G nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thị N, sinh ngày 20/9/2008 cho chị T nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Anh G phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BB/2012/08412 ngày 13/11/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Y, anh G đã nộp đủ.

Anh G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Y: 02 bản;
- Chi cục T.H.A huyện Y: 01 bản;
- UBND xã Y;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hiến

